TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **48**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02 – 6 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Tính**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đào Văn Vĩnh**

2. Bà **Lê Ngọc Kiệp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhựt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38B/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Ngọc B**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Đồng Thanh E**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Ngọc B, trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000, chị Trần Ngọc B và anh Đồng Thanh E tự nguyện xây dựng hôn nhân, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 10/01/2005. Trong thời gian chung sống với anh E vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm vợ

chồng nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh E, không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Chị B và anh E chung sống có 02 người con chung, gồm: Đồng Thanh G, sinh ngày 29/01/2001 và Đồng Thanh H, sinh ngày 08/12/2006, hiện cháu G đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H đang sống chung với chị B nên chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh E cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Đồng Thanh E*: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nơi cư trú của anh E để tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh E không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu để làm việc, cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Theo ông Đồng Văn I là cha ruột của anh Đồng Thanh E cho biết: Anh E và chị B là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, anh E và chị B có xảy ra cự cãi, chị B dẫn 02 con đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh và đã sống ly thân với anh E khoảng 02 năm nay. Anh E biết việc chị B nộp đơn yêu cầu ly hôn, nuôi con khi ly hôn nhưng do anh E bận đi làm thuê nên không đến Tòa án để giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn với chị B. Trong thời gian chị B và anh E chung sống không có vay tiền của tổ chức tín dụng hay cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện chức năng kiểm sát thì Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm. Chị B đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh E chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc B đối với anh Đồng Thanh E, cho chị Trần Ngọc B ly hôn với anh Đồng Thanh E. Về con chung: Giao con chung là cháu Đồng Thanh Kiêm, sinh ngày 08/12/2006 cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh E không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh E không phải cấp dưỡng cho cháu H do chị B không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Ngọc B nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn với anh Đồng Thanh E, có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về tố tụng: Ngày 10/4/2023, chị Trần Ngọc B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Đồng Thanh E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh E.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 2000, chị B tự nguyện chung sống như vợ chồng với anh E và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 10/01/2005 nên hôn nhân của chị B và anh E là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét thấy, trong thời gian chị B và anh E chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã sống ly thân khoảng 02 năm nay nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay chị B yêu cầu ly hôn với anh E. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh E. Cho chị B ly hôn với anh E.

[5] Về con chung: Chị B và anh E có 02 người con chung gồm: Đồng Thanh G, sinh ngày 29/01/2001 và Đồng Thanh H, sinh ngày 08/12/2006, hiện cháu Đồng Thanh G đã trưởng thành, cháu H đang sống chung với chị B nên chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và cháu H cũng có nguyện vọng sống với chị B khi chị B và anh E ly hôn nên G giao cháu H cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Anh E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng: Anh E không phải cấp dưỡng cho con do chị B không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định trong thời gian chung sống với anh E vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị B phải nộp 300.000 đồng, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng tại Biên lai số 0001425 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu; chị B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật

Tố tụng dân sự; các điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc B đối với anh Đồng Thanh E. Cho chị Trần Ngọc B ly hôn với anh Đồng Thanh E.

2. Về con chung: Giao cháu Đồng Thanh H, sinh ngày 08/12/2006 cho chị Trần Ngọc B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh Đồng Thanh E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Đồng Thanh E không phải cấp dưỡng cho con do chị Trần Ngọc B không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Ngọc B phải nộp 300.000 đồng, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng tại Biên lai số 0001425 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu; chị Trần Ngọc B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Ngọc B và anh Đồng Thanh E vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoàng Tính